

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/DS-ST

Ngày 06/9/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Hải và bà Cấn Thị Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt- Kiểm sát viên

Ngày 6 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021/QĐST-DS ngày 20/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Trụ sở: 266 đường N, phường X, quận A, TP.Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng giao dịch Đ - Ngân hàng Thương mại cổ phần T- Chi nhánh Đ (là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số: 101/2020/GUQ-PGDĐM ngày 30/12/2020) – có mặt.

Địa chỉ: Số 61, đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Bị đơn: Bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T – Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Đ, trên cơ sở các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Tại Hợp đồng tín dụng đã ký số LD 1734601016 ngày 12/12/2017 và giấy nhận nợ số 01/ LD 1734601016 ngày 13/12/2017 bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T

đã ký vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T - Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch Đ với số tiền 600.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất vay là 11,3 %/ năm, bắt đầu từ tháng thứ 4 lãi suất được điều chỉnh theo điều khoản được thể hiện trong hợp đồng, được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng + Biên độ 3,7%/ năm, gốc và lãi được chia làm 5 kỳ trả nợ, mỗi kỳ 12 tháng; lãi suất chậm trả là 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà V và ông T đã trả được 110.122.000 đồng tiền gốc và tiền lãi không trả khoản nào. Tuy nhiên, đến kỳ trả nợ lãi tiếp theo không trả nên ngày vi phạm trả lãi của hợp đồng là ngày 13/12/2020 và Ngân hàng chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn.

* Dư nợ hiện tại tính đến ngày 06/9/2021 đối với hợp đồng tín dụng trên là:

+ Nợ tiền gốc: 489.878.000 đồng.

+ Lãi trong hạn là 94.731.147 đồng

+ Lãi quá hạn 7.093.568 đồng

- Khoản vay tại hợp đồng tín dụng số LD 1734601018 ngày 12/12/2017, bà V và ông T tiếp tục ký vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T - Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch Đ với số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất vay là 11,3 %/ năm, bắt đầu từ tháng thứ 4 lãi suất được điều chỉnh theo điều khoản được thể hiện trong hợp đồng, được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng + Biên độ 3,7%/ năm, gốc và lãi được chia làm 5 kỳ trả nợ, mỗi kỳ 12 tháng; lãi suất chậm trả là 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà V và ông T đã trả được 60.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi không trả khoản nào. Tuy nhiên, đến kỳ trả nợ lãi tiếp theo không trả nên ngày vi phạm trả lãi của hợp đồng là ngày 13/12/2020 và Ngân hàng chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn.

* Dư nợ hiện tại tính đến ngày 06/9/2021 đối với hợp đồng tín dụng trên là:

+ Nợ tiền gốc: 340.000.000 đồng.

+ Lãi trong hạn là 65.750.371 đồng

+ Lãi quá hạn 4.985.697 đồng

- Khoản vay tại hợp đồng tín dụng số LD 1935300202 ngày 19/12/2019, bà V và ông T tiếp tục ký vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T - Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch Đ với số tiền 90.000.000 đồng; thời hạn vay: 24 tháng; lãi suất vay là 12,6 %/ năm, bắt đầu từ tháng thứ 4 lãi suất được điều chỉnh theo điều khoản được thể hiện trong hợp đồng, được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng + Biên độ 5,0%/ năm, thời hạn trả gốc và lãi là 4 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất chậm trả là 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà V và ông T không trả gốc và lãi như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, đến kỳ trả nợ lãi tiếp theo không trả nên ngày vi phạm trả lãi của hợp đồng là ngày 19/12/2020 và Ngân hàng chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn.

* Dư nợ hiện tại tính đến ngày 06/9/2021 đối với hợp đồng tín dụng trên là:

- + Nợ tiền gốc 90.000.000 đồng.
- + Lãi trong hạn là 19.144.136 đồng
- + Lãi quá hạn 1.680. 556 đồng

Các tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng trên, được bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T ký hợp đồng thế chấp như sau:

ST T	Số GCNQSD D	Nơi phát hành	Ngày phát hành và nguồn gốc	Số hợp đồng thế chấp	Ngày ký HĐTC	Số thửa a	Tờ bản đồ	Địa chỉ
01	CA 978903	UBND huyện Đ	Cấp ngày 19/11/2015	Số1793/17/TC	12/12/2017	403	16	Thôn Đ, xã H, huyện Đ
02	CA 978946	UBND huyện Đ	Cấp ngày 07/01/2016	Số1793/17/TC	12/12/2017	405	16	Thôn Đ, xã H, huyện Đ
03	CE 113882	Sở Tài nguyên và Môi trường Đ	Cấp ngày 28/10/2016	Số1793/17/TC	12/12/2017	409	16	Thôn Đ, xã H, huyện Đ
04	CA 870778	UBND huyện Đ	Cấp ngày 03/9/2015	Số1793/17/TC	12/12/2017	151	26	Thôn R, xã H, huyện Đ
05	BX 388921	UBND huyện Đ	Cấp ngày 29/7/2015	Số1793/17/TC	12/12/2017	28	46	Thôn R, xã H, huyện Đ

Các khoản vay trên đã quá hạn, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng bà V và ông T chỉ trả một phần gốc, không trả lãi; Trong các Hợp đồng tín dụng bà V và ông T vay vốn nhằm mục đích đầu tư rẫy. Hiện nay, khoản vay này đã quá hạn, nguyên nhân hoàn cảnh gia đình khó khăn, mùa mất không trả được. Vì vậy, để đảm bảo nguồn vốn cho kinh doanh, Ngân hàng Thương mại cổ phần T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T toàn bộ số tiền nợ gốc đối với các hợp đồng tín dụng như trình bày trên là 919.878.000 đồng (*Chín trăm mười chín triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*), tiền lãi trong hạn là 179.625.654 đồng (*một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng*), lãi quá hạn 13.759.821 đồng (*Mười ba*

triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi một đồng), thời hạn tính lãi tính đến ngày 06/9/2021

Kể từ ngày 07/9/2021, bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo các Hợp đồng tín dụng số LD 1734601016 ngày 12/12/2017; số LD 1734601018 ngày 12/12/2017 và số LD 1935300202 ngày 19/12/2019 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 1793/2017/TC ngày 12/12/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/1793/17/TC ngày 19/12/2019 được Công chứng tại Văn phòng Công chứng V, tỉnh Đắk Nông và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của bà V và ông T để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo quy định.

Bị đơn bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T: Qua xác minh tại địa phương thì bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T có đăng ký hộ khẩu thường tại Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Tòa án đã xác minh, ông T và bà V còn địa phương, nhưng cố tình trốn tránh không làm việc. Vì vậy, để có căn cứ giải quyết, Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T và bà V không chấp hành cũng không cung cấp các thủ tục ủy quyền hay thủ tục xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định, đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành tốt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

-Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72, Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T, buộc bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T tổng cộng số tiền cả gốc và lãi trong các hợp đồng là 1.113.263.475 đồng (*Một tỷ một trăm mười ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng*), trong đó tiền gốc 919.878.000 đồng (*Chín trăm mười chín triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*), tiền lãi trong hạn là 179.625.654 đồng (*một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm hai*

mười lăm nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng), lãi quá hạn 13.759.821 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi một đồng), thời hạn tính lãi tính đến ngày 06/9/2021.

Kể từ ngày 07/9/2021, bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết tại các Hợp đồng tín dụng số LD 1734601016 ngày 12/12/2017; số LD 1734601018 ngày 12/12/2017 và số LD 1935300202 ngày 19/12/2019 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 1793/2017/TC ngày 12/12/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/1793/17/TC ngày 19/12/2019 được Công chứng tại Văn phòng Công chứng V, tỉnh Đắk Nông và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T phải trả số tiền gốc là 919.878.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký. Hiện nay, bà V và ông T có đăng ký hộ khẩu tại Thôn Đ, xã H, huyện Đ. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định khoản 3 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc chấp hành pháp luật của bị đơn: Căn cứ kết quả xác minh thì hiện nay bị đơn có đăng ký hộ khẩu tại Thôn Đ, xã H, còn sinh sống tại địa phương. Tòa án đã liên lạc trực tiếp được với bà V và ông T qua điện thoại, nhưng vẫn trốn tránh nên Tòa án tiến hành niêm yết tại địa phương, nơi cư trú. Nhưng không đến Tòa án làm việc cũng không làm thủ tục ủy quyền hay đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, để đảm bảo thủ tục Tòa án đã lập các biên bản về việc vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 170, Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trên cơ sở hợp lệ các văn bản tố tụng Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Việc đương sự không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[2] Xét nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ các Hợp đồng tín dụng số LD 1734601016 ngày 12/12/2017; số LD 1734601018 ngày 12/12/2017 và số LD 1935300202 ngày 19/12/2019, phụ lục hợp đồng và các giấy nhận nợ thì khoản vay trên bà V và ông T đã để quá hạn, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù, tình hình chung của người dân hiện nay là do giá tiêu xuống thấp, một số tiêu bị chết, cà phê mất mùa nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, bà V và ông T chỉ trả 01 phần của khoản vay, phần còn lại bà V và ông T vi phạm nghĩa vụ thực hiện theo hợp đồng đã ký. Tính đến ngày xét xử bà V và ông T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền gốc là 919.878.000 đồng và tiền lãi của các hợp đồng tính đến ngày 06/9/2021, do Ngân hàng lập bảng kê tính lãi cung cấp cho Tòa án. Qua đối chiếu kiểm tra dựa trên hợp đồng về lãi suất các bên thỏa thuận thì bà V và ông T còn nợ tiền lãi trong hạn là 179.625.654 đồng (*một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng*), lãi quá hạn 13.759.821 đồng (*Mười ba triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi một đồng*), tổng cộng cả gốc và lãi trong các hợp đồng là 1.113.263.475 đồng (*Một tỷ một trăm mười ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng*), thời hạn tính lãi tính đến ngày 06/9/2021. Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.2] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký bà V và ông T đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 1793/2017/TC ngày 12/12/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/1793/17/TC ngày 19/12/2019 được Công chứng tại Văn phòng Công chứng V, tỉnh Đắk Nông và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đứng tên ông Hoàng Đức T và bà Trần Thị V. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực tế thì tài sản thế chấp trên có diện tích đúng với diện tích ông Hoàng Đức T và bà Trần Thị V được cấp, nhận chuyển nhượng theo tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là tài sản hợp pháp của ông T và bà V đã thế chấp, phù hợp với quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

[2.3] Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông T và bà V không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[2.4] Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của ông T và bà V để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo quy định.

[2.5] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 07/9/2021. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì ông T và bà V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ

gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD 1734601016 ngày 12/12/2017; số LD 1734601018 ngày 12/12/2017 và số LD 1935300202 ngày 19/12/2019 và các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông T và bà V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[3] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần T đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, bà V và ông T phải chịu toàn bộ số tiền trên nên cần buộc bà V và ông T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 1.113.263.475 đồng (*Một tỷ một trăm mười ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng*), = 36.000.000 đồng + (03% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng (313.263.475 đồng x 03%) = 9.397.904 đồng. Tổng cộng án phí phải chịu là 45.397.904 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm linh bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72, Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 157, Điều 271, Điều 170, Điều 173, Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T;

1.1. Buộc bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 1.113.263.475 đồng (*Một tỷ, một trăm mười ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng*), trong đó tiền gốc 919.878.000 đồng (*Chín trăm mười chín triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*), tiền lãi trong hạn là 179.625.654 đồng (*một trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng*), lãi quá hạn 13.759.821 đồng (*Mười ba triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi mốt đồng*), thời hạn tính lãi tính đến ngày 06/9/2021.

1.2. Kể từ ngày 07/9/2021, bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số LD 1734601016 ngày 12/12/2017; số LD 1734601018 ngày 12/12/2017 và số LD 1935300202 ngày 19/12/2019 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà V và ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

1.3. Trường hợp bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T không trả số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1793/2017/TC ngày 12/12/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/1793/17/TC ngày 19/12/2019 được Công chứng tại Văn phòng Công chứng V, tỉnh Đắk Nông và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm để xử lý và thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp trên gồm|:

ST T	Số GCNQSD D	Nơi phát hành	Ngày phát hành và nguồn gốc	Số hợp đồng thế chấp	Ngày ký HĐTC	Số thửa a	Tờ bản đồ	Địa chỉ
01	CA 978903	UBND huyện Đ	Cấp ngày 19/11/2015	Số 1793/17/TC	12/12/2017	403	16	Thôn Đ, xã H, huyện Đ
02	CA 978946	UBND huyện Đ	Cấp ngày 07/01/2016	Số 1793/17/TC	12/12/2017	405	16	Thôn Đ, xã H, huyện Đ
03	CE 113882	Sở Tài nguyên và Môi trường Đ	Cấp ngày 28/10/2016	Số 1793/17/TC	12/12/2017	409	16	Thôn Đ, xã H, huyện Đ
04	CA 870778	UBND huyện Đ	Cấp ngày 03/9/2015	Số 1793/17/TC	12/12/2017	151	26	Thôn R, xã H, huyện Đ
05	BX 388921	UBND huyện Đ	Cấp ngày 29/7/2015	Số 1793/17/TC	12/12/2017	28	46	Thôn R, xã H, huyện Đ

1.4.Trường hợp số tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

2. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Buộc bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T phải chịu 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà Trần Thị V và ông Hoàng Đức T phải nộp 45.397.904 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm linh bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền 21.562.000 đồng (*Hai mươi một triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005179 ngày 05/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà

